

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC VIỆT NAM (1)
VIETNAMESE VISA APPLICATION FORM
(Dùng cho người nước ngoài – For foreigners)

Ảnh - photo 4x6 cm (2)

1. Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ:
Sex: Male / Female
3. Sinh ngày ... tháng ... năm ...:
Date of birth (Day, Month, Year)
4. Nơi sinh:
Place of birth
5. Quốc tịch gốc:
Nationality at birth
6. Quốc tịch hiện nay (3):
Current nationality
7. Tôn giáo:
Religion
8. Nghề nghiệp:
Occupation
9. Nơi làm việc:
Employer and business address
10. Địa chỉ thường trú:
Permanent residential address
- Số điện thoại/Email:
Telephone/Email

11. Thân nhân / Family members:

Quan hệ (4) Relationship	Họ tên (chữ in hoa) Full name	Giới tính Sex	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Quốc tịch Nationality	Địa chỉ thường trú Permanent residential address

12. Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số ... loại (5):
Passport or International Travel Document Number ... Type

Cơ quan cấp ... có giá trị đến ngày:
Issuing authority ... Expiry date

13. Ngày nhập cảnh Việt Nam gần nhất (nếu có):
Date of the previous entry into Viet Nam (if any)

14. Dự kiến nhập cảnh Việt Nam ngày ...; tạm trú ở Việt Nam ... ngày:
Intended date of entry; Intended length of stay in Viet Nam ... days

15. Mục đích nhập cảnh:
Purpose of entry

16. Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:
Intended temporary residential address in Viet Nam

17. Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh / Hosting organisation/individual in Viet Nam

Cơ quan, tổ chức:

Name of hosting organisation

Địa chỉ:

Address

Cá nhân (họ tên):

Hosting individual (full name)

Địa chỉ:

Address

Quan hệ với bản thân:

Relationship to the applicant

18. Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (nếu có) / Accompanying child(ren) under 14 years old included in your passport (if any) – kèm ảnh 4x6 cm của trẻ (2)

Số TT No	Họ tên (chữ in hoa) Full name	Giới tính Sex	Ngày tháng năm sinh Date of birth

19. Đề nghị cấp thị thực: ☐ một lần ☐ nhiều lần; từ ngày ... đến

ngày ...:

Applying for a visa: Single / Multiple; valid from ... to ...

20. Đề nghị khác liên quan việc cấp thị thực (nếu có):

Other requests (if any)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại: ngày ... tháng ... năm ...

Done at ... date (Day, Month, Year)

Người đề nghị / The applicant

(ký, ghi rõ họ tên / Signature, full name)

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc nộp trực tiếp tại đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế nơi nhận thị thực. / Submit one completed form with the passport at the Vietnamese Diplomatic Mission abroad, or in person at the international border checkpoint where the visa is issued.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời). / Enclose 2 recent photos 4x6 cm, white background, face looking straight, no hat, no glasses (one on the form, one separate).

(3) Người có quốc tịch Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài: Nhà nước Việt Nam chỉ công nhận quốc tịch Việt Nam trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Luật Quốc tịch Việt Nam 2008, sửa đổi 2014, 2025); công dân Việt Nam phải dùng giấy tờ xuất nhập cảnh do Việt Nam cấp. / Vietnam only recognises Vietnamese nationality for dual nationals; Vietnamese citizens must use Vietnamese entry/exit documents.

(4) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột (nếu có). / State parents, spouse, children and siblings (if any).

(5) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế. / Specify Ordinary, Official, Diplomatic passport or name of the travel document.